TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÔNG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2018/QĐST-HNGĐ	*Nam Đông, ngày 26 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 15/2018/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh ngày: 10/11/1981.

Nơi cư trú: Xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Trần T (Tên gọi khác: Trần Văn T), sinh ngày: 10/6/1977.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã VH, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở hiện nay: Phường A, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh ngày 10/11/1981 và anh Trần T (Tên gọi khác: Trần Văn T), sinh ngày 10/6/1977.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Trần T đã tự nguyện thoả thuận với nhau là giao cháu Trần Thành N, sinh ngày 28/2/2002 cho chị Nguyễn Thị Bích C tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên đã thoả thuận với nhau là anh Trần T không phải cấp dưỡng nuôi cháu N. Sau khi ly hôn, anh Trần T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích C và anh Trần T cùng xác nhận không có tài sản và nghĩa vụ trả nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích C tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Bích C đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2011/000648 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nay chị Nguyễn Thị Bích C được hoàn trả số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Phú;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Trình